

南開科技大學境外學生入出境管理切結書(中越語版)

ĐẠI HỌC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ NAM KHAI

ĐƠN XIN XUẤT CẢNH VÀ CAM KẾT CỦA SINH VIÊN NƯỚC NGOÀI

填表日期 ngày điền vào mẫu : _____年 năm _____月 tháng _____日 ngày

就讀系(所) Khoa	學制班別 Hệ		身份 Phân loại
入學年度 Năm nhập học _____學年度 năm học 第 _____學期 học kỳ	<input type="checkbox"/> 新南向產學合作專班 Vừa học vừa làm <input type="checkbox"/> 產學攜手僑生專班 Chuyên ban Hoa kiều <input type="checkbox"/> 日間部四技一般生 Tự túc <input type="checkbox"/> 日間部碩士一般生 Thạc sỹ <input type="checkbox"/> 其它 Khác _____		<input type="checkbox"/> 外國學生 Sinh viên nước ngoài <input type="checkbox"/> 僑生 Hoa kiều
護照英文姓名 Tên tiếng Anh trên hộ chiếu	中文姓名 Tên Tiếng Trung	學號 Mã số sinh viên	國籍 Quốc tịch
離臺日期/時間/航班 Ngày xuất cảnh/ Thời gian/ Chuyến bay		抵臺日期/時間/航班 Quay lại Đài Loan/ Thời gian/ Chuyến bay	
/ /		/ /	
居留證效期 Thời hạn thẻ cư trú	請注意!! 請仔細核對居留證效期及離台時間, 若你的居留證在離台期間會逾期, 請備妥來回機票購票證明, 至國際處(商學館 4F), 提前辦理居留證延期。 Xin chú ý! Hãy kiểm tra thời hạn của thẻ cư trú và thời gian bạn rời khỏi Đài Loan, nếu thẻ cư trú của bạn hết hạn trong thời gian bạn không ở Đài Loan, thì bạn vui lòng cung cấp vé máy bay khứ hồi, mang đến văn phòng hợp tác quốc tế (商學館 Lầu 4) để xin gia hạn trước thẻ cư trú.		
YYYY/MM/DD			
臺灣居住地 Địa chỉ cư trú tại Đài Loan	<input type="checkbox"/> 校內宿舍/房號 Ký túc xá trường /số phòng : <input type="checkbox"/> 校外租屋地址 Nhà thuê bên ngoài :		
出境目的地居住地 Địa chỉ cư trú tại nước ngoài			
臺灣手機號碼 Số điện thoại liên hệ tại Đài Loan		出境目的地手機號碼 Số điện thoại nước ngoài	
緊急聯絡人姓名 Người liên hệ khẩn cấp		緊急聯絡人手機號碼 Số điện thoại khẩn cấp	
出境理由聲明 我出境的理由是 (Nếu rõ lý do xuất cảnh) : _____ 在此聲明, 我清楚明白並會遵守下列規定(Tôi cam kết tôi hiểu rõ và tuân thủ những điều dưới đây) : <input type="checkbox"/> 我自行承擔可能因入出境及移民法規定變化導致無法返回臺灣就學的風險。 Tôi tự chịu trách nhiệm nếu do quy định về xuất nhập cảnh biến đổi dẫn tới tôi không thể quay lại Đài Loan để lên lớp học. <input type="checkbox"/> 我自行承擔入出境法律責任及所衍生之各項費用。 Tôi tự chịu trách nhiệm khi xuất cảnh và những chi phí phát sinh khi xuất cảnh. <input type="checkbox"/> 我了解若出境日期為學期修業期間, 需預先完成請假程序, 否則以曠課論處。 Nếu xảy ra những ảnh hưởng đến môn học, tôi bắt buộc tự liên hệ với giáo viên bộ môn hoặc giáo viên chủ nhiệm để thương lượng. Tôi xin chịu trách nhiệm về kết quả điểm danh và đánh giá môn học, không có bất kỳ ý kiến nào khác. <input type="checkbox"/> 我了解經完成請假程序後, 需自行向任課教師請示補課方案, 否則任課教師得以缺課論處。 Tôi đã hiểu sau khi hoàn thành thủ tục xin nghỉ, sẽ tự thảo luận phương án học bù với giáo viên, nếu không sẽ coi như là bỏ học bỏ tiết.			

我了解本校獎助學金相關規定，除華語能力及學業成績條件外，具備操行成績 80 分以上及缺曠課率低於 10% 者，始得請領獎助學金。

Tôi đã hiểu rõ quy định về học bổng liên quan, ngoài điều kiện về thành tích TOCFL cần đạt, phải đạt đủ 80 điểm đạo đức trở lên và không nghỉ học vượt quá 10% thì mới được nhận học bổng.

我了解住宿學生宿舍者，須完成外宿請假程序，否則以不假外宿論處。

Tôi đã hiểu sau cần phải làm thủ tục xin phép khi đang lưu trú tại trong ký túc xá của nhà trường, nếu không sẽ coi là ra ngoài không xin phép.

我了解若已辦理學費分期付款，受出境影響無法繳費，則須提前繳納，若未如期繳費將由系所提報休退學相關程序。

Tôi đã hiểu rõ trường hợp đóng học phí phân kỳ, nếu đến kỳ hạn mà không thể đóng học phí vì lý do xuất cảnh, thì cần phải đóng trước khi xuất cảnh. Nếu không đóng đúng hạn, Tôi đồng ý ủy quyền cho Văn phòng Khoa hoàn tất thủ tục thôi học.

我了解在臺居留未滿 6 個月，尚未擁有健保資格者，如出境超過 28 天以上，健保審查需從新起算，並額外繳團體保險費(約每月 500 元)。

Tôi đã hiểu rõ rằng nếu ở Đài Loan chưa đủ 6 tháng, chưa được sử dụng thẻ bảo hiểm toàn dân, nếu xuất cảnh quá 28 ngày, bảo hiểm xét duyệt sẽ tính lại từ đầu, và sẽ phải đóng thêm bảo hiểm đoàn thể (mỗi tháng khoảng 500 Đài Tệ).

本人簽名
Người xin ký tên

系助理/輔導老師
Trợ lý khoa/giáo viên phụ đạo

國際處承辦人
Nhân viên phòng quốc tế

導師
Giáo viên chủ nhiệm

國際處二級主管
Chủ quản cấp 2 phòng quốc tế

系所一級主管
Chủ nhiệm Khoa

國際處一級主管
Chủ quản cấp 1 phòng quốc tế